

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HS-PT

Ngày: 05-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên .

Ngày 05/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 143/2021/TLPT-HS ngày 14/05/2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 29/2021/HS-ST ngày 9/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ tên: **Nguyễn Văn L**; sinh năm 1972; tại tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không. Nơi Đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân lái tàu; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân L1 (Nguyễn Văn N1) (đã chết) và bà Dương Thị Ng, sinh năm 1936; có vợ Nguyễn Thị Nh1, sinh năm 1973 và có 03 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ 17/01/2020 đến 23/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại, (có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án này còn có các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/12/2019, Tập đoàn Công nghiệp T, có trụ sở tại số 226, đường L, quận Đ, thành phố Hà Nội ký hợp đồng bán 800.000 tấn than cám (gồm 400.000 tấn loại 4a và 400.000 tấn loại 5a) cho Công ty cổ phần P, có trụ sở tại đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận giao hàng làm 04 lần (01 quý/01 lần), bên bán có trách nhiệm vận chuyển và giao hàng cho bên mua theo các điều khoản trong hợp đồng, và giao xong trong năm 2020.

Sau khi ký hợp đồng bán than cho Công ty cổ phần P; Trước đó, ngày 31/01/2019, Tập đoàn Công nghiệp T đã ký hợp đồng thuê Tổng công ty vận tải thủy - CTCP có trụ sở tại số 158, đường N, quận L, thành phố Hà Nội để thuê vận chuyển than từ Cảng kho vận Km 6, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh cho các hợp đồng bán than của Công ty than khoáng sản Việt Nam, tuy nhiên, Tổng công ty vận tải thủy – CTCP không trực tiếp vận chuyển than mà ký hợp đồng với Công ty vận tải thủy số 3, có trụ sở tại số 22 đường C, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng để thực hiện việc vận chuyển than. Nên sau khi ký hợp đồng bán than cho Công ty cổ phần P. Ngày 13/01/2020, Công ty vận tải thủy số 3 phân công các nhân viên của Công ty gồm: Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 (là thuyền trưởng); Dương Đức P, sinh năm 1980 (là thuyền viên) cùng ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Từ Văn N, sinh năm 1985, ở thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang (là thuyền phó); Phạm Khắc T, sinh năm 1970, ở thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (là thuyền viên) và Đặng Đình Nh, sinh năm 2001, ở thôn C, xã T, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (là nhân viên phục vụ) điều khiển đoàn tàu đẩy ký hiệu 3TĐ27 số đăng ký HP 2368 lai đẩy 04 sà lan ký hiệu lần lượt là SĐ58 - 3, số đăng ký HP 3114; SĐ 59 - 3, số đăng ký HP 3115; SĐ 60 - 3, số đăng ký HP 3116 và SĐ 61 - 3, số đăng ký HP 3117 đến Cảng kho vận Km 6, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh để nhận hàng (than cám 5a);

Sáng ngày 14/01/2020, sau khi hoàn tất các thủ tục ban đầu, Cảng Kho vận Km 6 tiến hành việc chuyển than (loại than cám 5a) xuống 04 sà lan SĐ58-3; SĐ59-3; SĐ60-3 và SĐ61-3 của L. Sau khi than được chuyển đầy đủ theo hợp đồng xuống 04 sà lan của L thì bộ phận giám định của Kho cảng, Phân xưởng giao nhận 1 và Trung tâm giám định Cẩm Phả tiến hành lấy mẫu than trên 04 sà lan, đo món dầm phương tiện, sau đó chuyển một phần mẫu than cho L, phần còn lại Công ty giữ để giám định về chất lượng và độ ẩm của than. Sau khi nhận được mẫu than, L giao cho Nh, Nh chuyển cho một người (Nh khai không biết tên, tuổi và địa chỉ cụ thể) đem đi đốt xác định được độ ẩm thực tế của than là 6,78%. Có được kết quả về độ ẩm thực tế của than, Nh đến gặp Giám định viên của Trung tâm giám định Cẩm Phả và 2 bên thống Nh độ ẩm là 8,28%. Mục đích tăng thêm độ ẩm là để L trộm cắp một phần than trên đường vận chuyển để bán lấy tiền, sau đó bơm nước thêm vào trước khi giao hàng cho Công ty cổ phần P.

Khi mọi thủ tục được hoàn tất, Nh nhận hóa đơn giá trị gia tăng rồi làm thủ tục xuất cảng. Trước khi rời cảng toàn bộ số than trên 04 sà lan đều được Cảng kho vận niêm phong, kẹp chì, che kín bạt.

Sau khi rời Cảng kho vận Km 6, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, L điều khiển tàu đẩy để lai đẩy sà lan theo đường thủy di chuyển về Sông Thương tỉnh

Bắc Giang. Đến khoảng 15 giờ ngày 16/01/2020, thì tàu chở than của L về đến khu vực sông K, thuộc địa phận huyện K, tỉnh Hải Dương. L dùng tàu than lại và bảo Nh, T, P phá niêm phong, tháo kẹp chì, tháo bạt che đậy than ở 04 sà lan, sau đó sử dụng máy bơm nước hút nước sông lên bơm vào 04 sà lan được khoảng 55 - 60 m³, rồi che lại bạt và buộc dây lại. Việc phá kẹp chì, tháo bạt để bơm nước vào than, cả Nh, T, P đều biết là để khi bán than vẫn đảm bảo khối lượng như đã nhận ở cảng. Đến khoảng 21 giờ ngày 16/01/2020, L gọi điện cho Nguyễn Văn V, sinh năm 1972, ở thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Qua điện thoại, L nói với V là đang trên đường chở than về Bắc Giang, và bảo V có mua than không thì L bán cho mấy chục tấn. Biết số than L bán là than trộm cắp của Công ty than mà L đang nhận vận chuyển thuê, nhưng V vẫn đồng ý mua và thống Nh với L giá là 800.000 đồng/tấn.

Khoảng 13 giờ ngày 17/01/2020, L điện thoại cho V để thông báo là tàu sẽ neo đậu vào buổi tối cùng ngày tại khu vực sông T (cách cầu B thuộc huyện Y, tỉnh Bắc Giang khoảng 500 mét) để V chủ động đưa phương tiện và thuê người đến xúc than. Sau khi được L thông báo thời gian, địa điểm, V thuê Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; Phạm Đức H, sinh năm 1970; Vũ Hữu C, sinh năm 1966; Vũ Hữu Q, sinh năm 1969; Vũ Hữu T, sinh năm 1968; Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983; Tạ Duy M, sinh năm 1980 và Nguyễn Văn H2, sinh năm 1973 đều ở xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương đi xúc than từ sà lan của L sang tàu của V thì được Tiệp, Hưng, Chí, Quê, Thanh, Thịnh, Miên, Hãnh đồng ý.

Khoảng 19 giờ ngày 17/01/2020, L điều khiển tàu đẩy lại đẩy 4 sà lan than đến đoạn Sông T, thuộc địa phận thôn X, xã X, huyện Y, Bắc Giang thì L cho tàu đẩy và sà lan neo đậu lại để bán than cho V. Sau khi các sà lan than neo đậu vào vị trí, Nh, P, T đến các sà lan than tháo dỡ bạt che đậy than ra để thuận tiện cho việc trộm cắp than. Khoảng 15 phút sau, V điều khiển tàu tự hành số hiệu HD-0717 là tàu V thuê lại của ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962, ở thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương đến V trí sà lan của L đang neo đậu. Sau đó V bảo T, H, Chí, Q, T, Th, M, H2 lên sà lan dùng xẻng mang theo sẵn để trộm cắp than từ sà lan than của L sang khoang tàu tự hành của V. Trong khi các đối tượng đang tiến hành trộm cắp than được khoảng trên 60.000kg thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ công an phối hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm:

Thu của Nguyễn Văn L 01 căn cước công dân, 01 giấy chứng nhận khả năng chuyên môn Thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa; 01 điện thoại di động Samsung; 01 tàu đẩy ký hiệu 3TĐ27 số đăng ký HP 2368 lai đẩy 04 sà lan ký hiệu lần lượt là SĐ58-3, số đăng ký HP 3114; SĐ 59-3, số đăng ký HP 3115; SĐ 60-3, số đăng ký HP 3116; SĐ 61-3, số đăng ký HP 3117;

Thu trên tàu đẩy ký hiệu 3TĐ27 các tài liệu: Bản gốc chứng thư giám định số 0128968; Hóa đơn giá trị gia tăng (dùng bán than) số 0004547; Phiếu kết quả giám định khối lượng; Biên bản niêm phong hầm hàng; Giấy vận chuyển ngày 05/01/2020 của tàu 3TĐ27 và sà lan SĐ 58-3, SĐ 59-3, SĐ 60-3, SĐ 61-3; Giấy phép rời cảng,

bến thủy nội địa số 23024/GPCV ngày 15/01/2020; Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 17/01/2020 cùng một số giấy tờ tài liệu khác;

Thu của Nguyễn Văn V: số tiền 129.300.000đ; 01 điện thoại di động Samsung màu vàng; 01 tàu tự hành ký hiệu HD0717. Trên tàu tự hành, tại thời điểm bắt quả tang xác định được có 129 m³ than cám loại 5a;

Thu của Từ Văn N: 14.960.000đ; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy chứng nhận khả năng chuyên môn Thuyền trưởng Phương tiện thủy nội địa; 01 điện thoại di động Mobiistar màu đen.

Thu của Dương Đức P: 01 căn cước công dân, 01 giấy chứng nhận khả năng chuyên môn Thuyền trưởng Phương tiện thủy nội địa; 01 điện thoại di động Iphone.

Thu của Phạm Khắc T: 01 giấy chứng nhận khả năng chuyên môn Thuyền trưởng Phương tiện thủy nội địa; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu hồng.

Thu của Nguyễn Văn T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel; của Phạm Đức H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám; của Vũ Hữu Tr: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen.

Thu trên tàu tự hành HD-0717: 02 mẫu than được đựng trong 02 túi nilon dán kín, niêm phong và có chữ ký xác nhận của Nguyễn Văn V; tại buồng lái của tàu tự hành, thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng và 01 thước cuộn 05 mét.

Thu trên tàu đẩy số 3TD27 số đăng ký 2368 các tài liệu, giấy tờ pháp lý liên quan đến số hàng hóa cũng như điều kiện vận hành của tàu.

Thu trên 04 sà lan SĐ58-3; SĐ 59-3; SĐ 60-3; SĐ 61-3 các đầu kẹp chì bị cắt phá (được đựng trong túi niêm phong ký hiệu "PS3") và thu ở mỗi sà lan một mẫu than được đựng trong túi nilon dán kín (được niêm phong có chữ ký xác nhận của Nguyễn Văn L.

Ngày 20/01/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang tiến hành trưng cầu giám định đến Viện khoa học hình sự - Bộ công an để giám định các mẫu than thu giữ khi bắt quả tang. Tại bản kết luận giám định số 500/C09 - P4 ngày 24/02/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

“- 02 (hai) mẫu thu trên 02 (hai) khoang tàu tự hành HD 0717 (ký hiệu 01, 02) và 04 (bốn) mẫu thu lần lượt ở 04 (bốn) sà lan (ký hiệu lần lượt SĐ58-3, SĐ59-3, SĐ60-3, SĐ61-3) đều là than đá.

- Độ ẩm của các mẫu như sau:

- + Mẫu ký hiệu 01 thu trên khoang tàu tự hành HD 0717: 10,38 %.
- + Mẫu ký hiệu 02 thu trên khoang tàu tự hành HD 0717: 11,05 %.
- + Mẫu ký hiệu SĐ58-3 thu trên sà lan: 7,79 %.
- + Mẫu ký hiệu SĐ59-3 thu trên sà lan: 9,23 %.
- + Mẫu ký hiệu SĐ60-3 thu trên sà lan: 8,78 %.

+ Mẫu ký hiệu SĐ61-3 thu trên sà lan: 11,13 %.

- Do các mẫu lẫn tạp chất nên không đủ yếu tố để giám định so sánh 02 (hai) mẫu thu trên tàu HD 0717 với 04 (bốn) mẫu thu trên các sà lan ký hiệu SĐ58-3, SĐ59-3, SĐ60-3, SĐ61-3”;

Ngày 21/02/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành cân để xác định tổng khối lượng than trộm cắp có trên khoang tàu tự hành HD 0717. Kết quả xác định tổng khối lượng than là 60,370 tấn (tức 60.370kg) than cám 5a.

Ngày 09/3/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng có yêu cầu định giá để xác định giá trị tài sản trộm cắp. Tại bản kết luận số 08/KL-ĐGTS ngày 09/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: 60.370 kg than cám 5a.1, độ ẩm của than từ 10,38% đến 11,05% tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 109.572.000 đồng.

Trong vụ án này: Từ Văn N khai đã đưa tiền cho Nguyễn Văn P là giám định viên của Trung tâm giám định Cẩm Phả để tăng thông số độ ẩm của than từ 6,78% lên 8,28%. Tuy nhiên, P không thừa nhận, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã tiến hành đối chất nhưng không có kết quả. Ngoài lời khai không có các chứng cứ khác, do vậy không đủ căn cứ để xử lý hành vi của P.

Đối với người đàn ông Nh khai thuê đem mẫu than đi đốt để xác định độ ẩm thực tế. Do Nh khai không biết tên, tuổi và địa chỉ cụ thể của người đàn ông này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với Nguyễn Văn T, Phạm Đức H, Vũ Hữu C, Vũ Hữu Q, Vũ Hữu T, Nguyễn Văn Th, Tạ Duy M và Nguyễn Văn H1 là những người được Nguyễn Văn V thuê đi xúc than thuê. Bản thân T, H, C, Q, T, Th, M, H1 không biết việc V thuê đi trộm cắp than, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng không đề cập xử lý.

Đối với Đặng Đình N có mặt trên tàu đẩy của L, tuy nhiên Nhật không biết L, N, T, P bàn bạc việc trộm cắp than, bản thân Nhật không tham gia cắt kẹp chì, bơm nước lên sà lan than, nên vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng không đề cập xử lý.

Đối với 01 tàu đẩy 3TD27 số đăng ký HP 2368 và 04 sà lan gồm SĐ 58-3, số đăng ký HP 3114; SĐ 59-3, số đăng ký HP 3115; SĐ 60-3, số đăng ký HP 3116; SĐ 61-3, số đăng ký HP 3117. Qua điều tra xác định là của Công ty vận tải thủy số 3, ngày 22/01/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty cổ phần vận tải thủy số 3: 01 tàu đẩy, 04 sà lan cùng toàn bộ số than còn lại trên 04 sà lan để Công ty cổ phần vận tải thủy số 3 làm thủ tục bàn giao cho Công ty cổ phần P.

Đối với các giấy tờ, tài liệu thu trên tàu đẩy 3TD27 gồm: Bản gốc chứng thư giám định số 0128968; Bản phô tô hóa đơn giá trị gia tăng (dùng bán than) số 0004547; Phiếu kết quả giám định khối lượng; Biên bản niêm phong hầm hàng; Giấy vận chuyển ngày 05/01/2020 của tàu 3TD27 và sà lan SĐ 58-3, SĐ 59-3, SĐ 60-3, SĐ 61-3; Giấy vận chuyển ngày 15/01/2020 của tàu 3TD27 và sà lan SĐ 58-3, SĐ

59-3, SD 60-3, SD 61-3; Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa số 23024/GPCV ngày 15/01/2020 và một số giấy tờ khác (như biên bản thu giữ); Ngày 22/01/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty cổ phần vận tải thủy số 3.

Đối với tàu tự hành HD 0717 là của ông Nguyễn Văn S, ông S cho V thuê lại, ngày 22/02/2020 Cơ quan điều tra đã ông Nguyễn Văn S chiếc tàu nêu trên.

Đối với 60.370 kg than cám loại 5a là số than các bị can trộm cắp của Tập đoàn công nghiệp T. Ngày 15/11/2020, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại cho Tập đoàn Công nghiệp T. Tập đoàn Công nghiệp T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Đối với 01 thẻ căn cước, 01 giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng thu giữ của Nguyễn Văn L; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, 01 thước cuộn 5 mét và số tiền 129.300.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn V; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, 01 điện thoại di động Mobistar và số tiền 14.960.000 đồng thu giữ của Từ Văn N; 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng và 01 điện thoại Iphone màu bạc thu giữ của Dương Đức P; 01 giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng và 01 điện thoại di động màu hồng thu giữ của Phạm Khắc T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám thu giữ của Phạm Đức H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của Vũ Hữu C không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can. Ngày 20/02/2020 và 05/3/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu.

Vật chứng của vụ án: 01 túi niêm phong ký hiệu PS3 đựng kẹp chì bị cắt phá thu giữ trên 04 sà lan; SD 58-3; SD 59-3; SD 60-3; SD 61-3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn L và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu vàng thu giữ của Nguyễn Văn V và 08 chiếc xẻng, lưỡi bằng kim loại hình vuông, có cán bằng tre, bị cáo V nộp được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng để giải quyết theo thẩm quyền.

+ Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn L, Từ Văn N, Dương Đức P, Phạm Khắc T và Nguyễn Văn V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

+ Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSVD ngày 28/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Từ Văn N, Dương Đức P, Phạm Khắc T và Nguyễn Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 29 ngày 9/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Từ Văn N, Nguyễn Văn V, Dương Đức P, Phạm Khắc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng pháp luật

2.1. Căn cứ điểm c khoản 2 khoản 5 Điều 173 điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 02 năm 10 tháng (Hai năm mười tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 17/01/2020 đến ngày 23/01/2020).

Ngoài ra bản án còn tuyên xử với các bị cáo khác, tuyên về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo, các quyền và nghĩa vụ khác.

Ngày 12/4/2021 bị cáo Nguyễn Văn L làm đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị tòa cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo L có nộp biên lai nộp tiền phạt, án phí và đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn và việc chấp hành pháp luật của bị cáo tại địa phương.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo L có tình tiết mới là nộp tiền phạt, án phí và xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh và việc chấp hành pháp luật do bị cáo L có tình tiết mới, có nơi cư trú rõ ràng do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cần giữ nguyên mức hình phạt của tòa sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục bị cáo. Từ những phân tích trên đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L. Bị cáo Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn L không có ý kiến gì tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Văn L nói lời sau cùng bị cáo thấy hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật và bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 333 bộ luật tố tụng hình sự nên xác định là đơn kháng cáo hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Khoảng 19 giờ ngày 17/01/2020, tại khu vực sông Thương thuộc địa phận thôn Xuân Trung, xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Cục cảnh sát hình sự - Bộ Công an phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang bắt quả tang Nguyễn Văn L, Từ Văn N, Dương Đức P, Phạm Khắc T, Nguyễn Văn V đang

có hành vi trộm cắp 60.370kg than cám loại 5a trị giá là 109.572.000đ từ 04 sà lan than của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam đang trên đường vận chuyển đến giao cho Công ty cổ phần P sang tàu của Nguyễn Văn V để V đem đi bán, Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản trả bị hại.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L đã đủ yếu tố cấu thành “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn L 02 năm 10 tháng (Hai năm mười tháng) tù về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L thì thấy: Tại phiên tòa, bị cáo chỉ kháng cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo nên các vấn đề khác của án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

[4] Xét về nhân thân, vai trò các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy.

Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Bị cáo L là người giữ vai trò chính, bị cáo là người chỉ đạo các bị cáo Nh, Tiềm, Phương phá bỏ kẹp chì, tháo bạt, bơm nước vào các sà lan than để trộm cắp than, trực tiếp điện thoại với bị cáo V để bán than trộm cắp. Bị cáo Nh là người có vai trò thứ hai, bị cáo giúp sức để liên hệ mua đồ ẩm than tạo điều kiện cho các bị cáo để thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo cùng với các bị cáo Tiềm, Phương phá bỏ kẹp chì, tháo bạt, bơm nước vào các sà lan than. Bị cáo V có vai trò thứ ba, bị cáo biết là than bị cáo L chở thuê nhưng vì ham rẻ bị cáo đã đồng ý mua than trộm cắp của bị cáo L, bị cáo đã thuê các đối tượng khác đến xúc than từ các sà lan than do bị cáo L điều khiển sang tàu của bị cáo, việc mua bán chưa được diễn ra thì các bị cáo bị bắt quả tang.

Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Án sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Văn L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo. Tài sản trộm cắp đã trả lại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo L trong thời gian công tác được tặng bằng khen, giấy khen và được công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua, bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, bị cáo có bố được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần xem xét, áp dụng khi quyết định hình phạt bị cáo Nguyễn Văn L được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L xin được hưởng án treo thì thấy tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo L có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình mới là bị cáo đã nộp tiền phạt và án phí như án sơ thẩm đã tuyên bị cáo có đơn xác nhận của địa phương về việc bị cáo chấp hành pháp luật và gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ do vậy Xét thấy đây là các tình mới phát sinh tại cấp phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn L xin được hưởng án treo. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 2 khoản 5 Điều 173, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 02 năm 10 tháng (Hai năm mười tháng) tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo qui định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo qui định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn L đã nộp 10.000.000 đồng tiền phạt và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2010/008036 ngày 12/4/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- VKS, TA, CA huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Trung Thông